

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2026/HS-PT

Ngày: 27 - 3 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Bà Mai Trần Cảnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 106/2026/TLPT-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo Nguyễn Quốc K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2026/HS-ST ngày 08-01-2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Quốc K; Sinh năm: 1998, tại tỉnh Trà Vinh; Đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long); Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn D và bà: Mai Thị Cẩm L; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024 – Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Thanh L1 và Tiền Thị T2 và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 13/9/2024, Phòng C1 Công an Thành phố H phối hợp Công an thị trấn T, huyện B tiến hành kiểm tra tại trước địa chỉ số I đường T, thị trấn

T, huyện B phát hiện Tiền Thị Tuyết N đang giao 09 hộp đựng giấy tờ (bên ngoài hộp có chữ: “Hàng hiệu nhập khẩu.com.vn”) nghi vấn là giả cho ông Vũ Hoàng K1 là nhân viên Công ty V2 để chuyển đến Bureau Quận G giao cho khách. Đồng thời, ông Nguyễn Minh T3 tài xế xe công nghệ G cũng đến giao cho N 107 túi hồ sơ đựng nhiều giấy tờ nghi vấn là giả nên Tổ công tác tiến hành lập Biên bản sự việc và đưa những người có liên quan gồm Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Quốc K, Phạm Thanh L1 và Tiền Thị Tuyết N về trụ sở Công an thị trấn T làm việc, sau đó lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Quốc K, Phạm Thanh L1 và Tiền Thị Tuyết N như sau:

Đầu tháng 5/2024, Nguyễn Hữu T1 bắt đầu làm việc cho đối tượng không rõ lai lịch sử dụng tài khoản Telegram tên “Uy V”. Nhiệm vụ của T1 là đến vòng xoay G, tỉnh Tây Ninh và Bến xe A nhận các bì hồ sơ màu cam chứa các loại giấy tờ giả gồm bằng cấp, căn cước công dân, bằng lái xe,... rồi chụp các ký hiệu trên bì hồ sơ gửi cho Uy V xem, sau đó Uy V gửi lại cho T1 địa chỉ để giao hàng. Mỗi chuyến đi lấy hàng Uy V trả công cho T1 300.000 đồng bằng cách chuyển khoản đến tài khoản số 19037067978015, ngân hàng T11.

Vào khoảng tháng 6/2024, Nguyễn Hữu T (em trai của T1) sử dụng tài khoản Facebook “Thế Nguyễn” lên mạng xã hội tìm việc làm thì có một người giới thiệu T với tài khoản Telegram tên “Uy V”. Vài ngày sau, Uy V giới thiệu T với tài khoản Telegram tên “KaKa”. Ban đầu, T đưa cho KaKa sử dụng tài khoản số 005704060177821 ngân hàng V3 để nhận tiền của khách hàng đặt làm giả giấy tờ do Bureau chuyển đến, mỗi tuần KaKa cho T số tiền 500.000 đồng. Đến đầu tháng 7/2024, K2 nói với T cần tìm người đứng ra làm hợp đồng vận chuyển giấy tờ giả với Bureau nên T gửi căn cước công dân của T, Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Quốc K cho KaKa để làm hợp đồng với Bureau ở Quận G.

Vào đầu tháng 8/2024, Tiền Thị Tuyết N bắt đầu làm việc cho đối tượng không rõ lai lịch sử dụng tài khoản Facebook tên “Cửu Ca”. Nhiệm vụ của N là đóng gói các loại giấy tờ giả, ghi mã vận đơn được gửi kèm theo rồi đặt xe giao hàng A để giao đến các Bureau. Trong thời gian làm việc, Phạm Thanh L1 (sống chung như vợ chồng với N) có phụ giúp cho N đóng gói các loại giấy tờ giả. N làm được 04 ngày thì nghỉ không làm nữa và được Cửu Ca trả công số tiền 2.900.000 đồng. Khoảng một tuần sau, Nguyễn Hữu T liên lạc Phạm Thanh L1 để rủ N tiếp tục tham gia công việc đóng gói giấy tờ giả, N đồng ý. N và L1 chụp hình Căn cước công dân gửi cho T để làm hợp đồng vận chuyển giấy tờ giả với Bureau. Đồng thời, N cung cấp tài khoản số 7850744479, mở tại ngân hàng B1 và L1 cung cấp tài khoản số 19036930787014 mở tại ngân hàng T11 liên kết với các Bureau để nhận tiền thu hộ rồi chuyển đến tài khoản số 005704060177821, ngân hàng V3 của T.

Để hoạt động đóng gói và giao giấy tờ giả cho khách hàng, K2 thành lập nhóm T4 “Gói hàng New” có 05 tài khoản gồm: “Nguyễn Văn N1” là Nguyễn Hữu T, “Hoàng Phát” là Nguyễn Hữu T1, “5 Anh Em S” là Tiền Thị Tuyết N, “KaKa” (không rõ lai lịch) và “An Nhiên” (người lên đơn, không rõ lai lịch). Sau đó, KaKa kêu T thuê một căn nhà để làm kho hàng và đóng gói giấy tờ giả, T nhờ T1 tìm nhà

để thuê. T1 đứng ra thuê căn nhà số I đường T, thị trấn T, huyện B của bà Đặng Thị Ngọc L2 với giá 6.000.000 đồng/tháng. Hàng ngày, KaKa nhắn lên nhóm “Gói hàng New” đơn hàng cần đóng gói, T1 đến nhận hàng về giao cho N. Ngân chụp các đơn hàng này gửi lên nhóm để “An Nhiên” cung cấp mã vận đơn cho N và L1 đóng gói rồi N đặt xe giao đến các Bru cục. Nếu có đơn hàng cần giao trực tiếp cho khách hàng thì “An Nhiên” nhắn cho T1 biết. Thân chụp hình ảnh, nhắn tin số lượng và mã vận đơn rồi gửi cho nhân viên giao hàng có tài khoản Telegram tên “Xì trum” và “Ty Ty” do KaKa giới thiệu đến. Mỗi đơn hàng thành công, “Xì trum” và “Ty Ty” tự giữ lại 150.000 đồng và chuyển khoản số tiền còn lại cho T1. Cuối ngày, T1 sẽ chuyển khoản lại cho KaKa theo số tài khoản KaKa yêu cầu, T1 nhận tiền lương là 2.500.000 đồng/tuần.

Ngày 04/9/2024, Nguyễn Quốc K được Thế giới T5 vào làm việc cùng với N và L1 để đóng gói giấy tờ giả giao đến Bru cục. T hứa trả lương cho K 10.000.000 đồng/tháng. K sử dụng tài khoản Telegram “5 Anh Em S” chung với N và tham gia nhóm “Gói Hàng” có 3 người gồm: “5 Anh Em Siêu Nhân” (K và N), “Cửu Ca” (không rõ lai lịch) và “Nguyễn Văn N1” (Nguyễn Hữu T). Sau khi đóng gói hàng, N hoặc K sẽ đặt xe để giao đến các Bru cục, gồm:

- Bru cục T12, địa chỉ: E N, phường T, Quận G, người nhận là “chị H1”, do N gửi hàng (T ký hợp đồng với Bru cục ngày 01/7/2024; K ký hợp đồng với Bru cục ngày 11/7/2024; N và L1 ký hợp đồng với Bru cục ngày 12/8/2024).

- Bru cục Q1, địa chỉ A H, phường P, Quận G, người nhận là “chị D2”, do N gửi hàng (Thân ký kết hợp đồng với Bru cục ngày 18/7/2024).

- Bru cục Quận A, địa chỉ A L, Phường I, Quận A, người nhận là “chị S”, do K gửi hàng (không ký kết hợp đồng),

- Bru cục 270 Bis L, Phường A, Quận A, tên người nhận là “chị D1”, do K gửi hàng (không ký kết hợp đồng).

Số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Hữu T1 là 15.000.000 đồng; Nguyễn Hữu Thế là 9.000.000 đồng; Tiền Thị Tuyết N và Phạm Thanh L1 là 15.000.000 đồng, riêng đối với Nguyễn Quốc K chưa thu lợi bất chính.

Ngày 16/9/2024, Phòng C1 Công an Thành phố H có bản Kết luận giám định số 10788/KL-KTHS, kết luận:

“1. 01 Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa số 00006569 mang tên Vũ Như T6 (mã khách hàng 5M26) là giả.

2. 01 căn cước công dân số 036088001237 mang tên Trần Tiến V1 (mã khách hàng VF31) là giả.

3. 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50002329 mang tên Phan Hoàng N2 (mã khách hàng B61) là giả.

4. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 073979 mang tên Võ Đại T7 (mã khách hàng X96) là giả.

5. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 036784 mang tên Phạm Duy Q (mã khách hàng A226) là giả.

6. 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 188671 mang tên Phạm Văn H (mã khách hàng X35) là giả.

7. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 50 061772 mang tên Trần Văn Út N3 (mã khách hàng A201) là giả.

8. 01 căn cước công dân số 074185006642 mang tên Nguyễn Ngọc H1 (mã khách hàng A 207) là giả.

9. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 056001 mang tên Nguyễn Đức M (mã khách hàng A 216) là giả.

10. 01 căn cước công dân số 001093028639 mang tên Nguyễn Đình T8 (mã khách hàng A 208) là giả.

11. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 24 031135 mang tên Lý Thị N4 (mã khách hàng M36) là giả.

12. 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 023573 mang tên Nguyễn Văn L3 (mã khách hàng B62) là giả.

13. 01 căn cước công dân số 038416810136 mang tên Bùi Thanh L4, (mã khách hàng VF32) là giả.

14. 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp, số 000074/TC mang tên Lê Hoàng N5 (mã khách hàng 5M26) là giả.

15. 01 Chứng chỉ ngoại ngữ, số 00000588 mang tên Lê Nhật M1 (mã khách hàng AC 181) là giả.

16. 01 căn cước công dân số 024083006430 mang tên Nguyễn Danh B (mã khách hàng AC 183) là giả.

17. 01 Giấy khai sinh, số 106/2019 mang tên Lê Thị K3 (mã khách hàng AC 812) là giả.

18. 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 083214 mang tên CTY TNHH BĐS KIÊN CƯỜNG PHÁT (mã khách hàng GF253) là giả.

19. 01 Bằng cử nhân, số HPN001923 mang tên Nguyễn Thị Ngọc L5, (mã khách hàng KV278) là giả.

20. 01 Bằng cử nhân, số B017656 mang tên Nguyễn Thị Kim D2 (mã khách hàng KVDI943) là giả.

21. 01 Giấy phép lái xe, số 662247811191 mang tên Nguyễn Kim N6 (mã khách hàng 35 N) là giả.

22. 01 Bằng tốt nghiệp đại học, số A43906 mang tên Lương Thị T9 (mã khách hàng DL591) là giả.

23. 01 Bằng tốt nghiệp cao đẳng, số 003586 mang tên Nguyễn Thị Ngọc A1 (mã khách hàng AS166) là giả.” (Bút lục: 101-102).

Kết luận giám định số 14258/KL-KTHS ngày 26/3/2025 của Phòng C1 Công an Thành phố H ghi nhận các đối tượng giám định như sau:

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Hà Văn C trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A540 đến A914 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ QUẬN 7 TP . HỒ CHÍ MINH ★ PHÒNG TƯ PHÁP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A859 đến A914 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn có nội dung “S.Đ.K.H.Đ:41020034 – C.T.H.D ★ QUẬN C - T.P HỒ CHÍ MINH ★ VĂN PHÒNG C2” và chữ ký đứng tên Trần Chí T10 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A915 đến A962 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn có nội dung “S.Đ.K.H.Đ:BQ - C.T.H.D ★ Q.ĐỒNG ĐA TP . HÀ NỘI ★ VĂN PHÒNG C3” và chữ ký đứng tên Vũ Thị L6 trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A963 đến A1018 (đã nêu ở mục II.1) là thật hay giả do không có mẫu so sánh tương ứng.

- Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A3, từ A5 đến A7, A9, A10, A14, A16, A18, A20, A22, từ A24 đến A27, từ A30 đến A37, A39, từ A41 đến A44, từ A47 đến A49, A58, A67, A73, A74, từ A78 đến A81, từ A83 đến A85, từ A89 đến A91, A93, A98, A101, từ A105 đến A108, A111, A113, từ A115 đến A118, A120, A122, A123, từ A127 đến A129, A133, từ A136 đến A138, A141, A143, A144, từ A146 đến A149, từ A152 đến A155, từ A159 đến A166, A170, A171, A173, A174, A177, từ A179 đến A186, A189, từ A191 đến A194, từ A199 đến A203, từ A208 đến A210, từ A215 đến A221, A223, A224, A226, A230, từ A233 đến A235, A239, A240, A313, A320, A321, từ A324 đến A328, từ A331 đến A333, từ A388 đến A390, A397, A400, A422, A450, A1019 (đã nêu ở mục II.1) là giả (bản in, hình dấu, chữ ký in phun màu).

- Mẫu cần giám định ký hiệu A4, A8, từ A11 đến A13, A15, A19, A21, A23, A38, A40, A45, A46, từ A50 đến A57, A59, từ A61 đến A66, từ A68 đến A72, từ A75 đến A77, A82, A87, A88, A92, từ A94 đến A97, A99, A100, từ A102 đến A104, A109, A110, A112, A119, A121, từ A124 đến A126, từ A130 đến A132, A134, A135, A139, A140, A142, A145, A150, A151, từ A156 đến A158, từ A167 đến A169, A175, A176, A178, A187, A190, từ A195 đến A198, từ A204 đến A207, từ A211 đến A214, A222, A225, từ A227 đến A229, A231, A232, từ A236 đến A238, A312, từ A314 đến A316, A322, A323, A329, A330, từ A379 đến A387, từ A391 đến A396, A399, A401, A402, A405 (đã nêu ở mục II.1) là giả (bản in, hình dấu in phun màu; chữ ký trực tiếp).

- Mẫu cần giám định ký hiệu A2, A17, A28, A60, A86, A114, A172, A188, từ A317 đến A319 (đã nêu ở mục II.1) là giả (bản in, hình dấu in phun màu; chữ ký in phun màu và tô đồ).

- Mẫu cần giám định ký hiệu A29, từ A334 đến A378, A398, từ A417 đến A420 (đã nêu ở mục II.1) là giả (bản in, hình dấu in phun màu).

- Mẫu cần giám định ký hiệu từ A241 đến A311 (đã nêu ở mục II.1) là giả.
- Mẫu cần giám định ký hiệu A403, A404, A406, A407, từ A409 đến A412, từ A414 đến A416, A428, từ A430 đến A442, từ A444 đến A449, từ A452 đến A461, từ A463 đến A472, từ A474 đến A479, từ A481 đến A485 (đã nêu ở mục II.1) là giả (hình dấu in phun màu, chữ ký trực tiếp).
- Mẫu cần giám định ký hiệu A408, A413, A429 (đã nêu ở mục II.1) là giả (hình dấu in phun màu).
- Mẫu cần giám định ký hiệu A421 (đã nêu ở mục II.1) là giả (bản in in phun màu).
- Mẫu cần giám định ký hiệu từ A423 đến A427, A443, A451, A462, A473, từ A486 đến A537 (đã nêu ở mục II.1) là giả (hình dấu, chữ ký in phun màu).
- Mẫu cần giám định ký hiệu A538, A539 (đã nêu ở mục II.1) là giả (hình dấu in phun màu, chữ ký trực tiếp).
- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ Q.CÁU GIẤY TP . HÀ NỘI ★ PHÒNG TƯ PHÁP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A540 đến A731 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.
- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM ★ Q TÂN BÌNH – TP . HỒ CHÍ MINH ★ PHÒNG TƯ PHÁP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A732 đến A858 (đã nêu ở mục II.1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra.
- Mẫu cần giám định ký hiệu A480 (đã nêu ở mục II.1) là giả (hình dấu in phun màu, chữ ký in phun màu và tô đồ) (Bút lục: 1388-1403).

Vật chứng thu giữ:

- * Thu giữ khi khám xét tại số I đường T, thị trấn T, huyện B:
 - 215 (hai trăm mười lăm) hồ sơ (mục “Tại kho”), thu giữ của Tiền Thị Tuyết N và Nguyễn Quốc K.
 - 09 (chín) hộp giấy hồ sơ (mục “Trước nhà”), thu giữ của Tiền Thị Tuyết N và Vũ Hoàng K1.
 - 107 (một trăm lẻ bảy) hồ sơ (mục “Trước nhà”), thu giữ của Tiền Thị Tuyết N và Nguyễn Minh T3.
 - 32 (ba mươi hai) hồ sơ (mục “Thu bổ sung tại kho”), thu giữ của Tiền Thị Tuyết N và Nguyễn Quốc K.
- (Đây là các loại giấy tờ, tài liệu qua giám định là giả).

* Thu giữ khi khám xét tại địa chỉ C đường B, Ấp C, xã T, huyện B: 01 (một) hộp giấy hình chữ nhật có kích thước khoảng 30x20x4cm, mặt trên bên ngoài nắp hộp có ký tự “Hàng hiệu nhập khẩu.com.vn”, thu giữ của Nguyễn Hữu T1 (Đây là hộp giấy đựng các loại giấy tờ giả do các đối tượng làm giả gửi đến cho T1).

* Thu giữ của Nguyễn Hữu T:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 14, màu đen, số Imei 1: 356703854266482, số Imei 2: 356703854097705, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung hiệu A52, số Imei 1: 351022370711359; số Imei 2: 351693300711352, đã qua sử dụng.

T dùng để liên lạc với các bị cáo khác khi thực hiện hành vi phạm tội.

* Thu giữ của Nguyễn Hữu T1:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu xanh, kiểu máy: Xiaomi 11T, số I: 8693760523222363, 869376052322371, có gắn sim số 0778308645, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, T1 dùng để liên lạc với các bị cáo khác khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại: Vario, màu sơn: Trắng - đỏ - đen, biển số: 84K1-466.18, số máy: KF41E2077074, số khung: MH1KF412XLK071868, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng. Kết luận giám định xác định số khung, số máy của xe không thay đổi, T1 sử dụng đi lại hằng ngày và dùng để vận chuyển giấy tờ giả.

* Thu giữ Nguyễn Quốc K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu trắng, loại màn hình cảm ứng, số Imei: 869389053950124/01, số seri: 35210/SIUW03352 cùng một sim điện thoại di động số 0909569550 được lắp sẵn trong máy, dùng để liên lạc với các bị cáo khác khi thực hiện hành vi phạm tội.

* Thu giữ Phạm Thanh L1:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A05S, màu bạc, kiểu thiết bị: SM-A057F/DS, số Imei: 356480629841242, có gắn sim số 0978266457, tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, L1 dùng để liên lạc với các bị cáo khác khi thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xanh-đen, biển số: 51R6-0203, số máy: C09E-5447812, số khung: Y-347792, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng. Kết luận giám định xác định số khung, số máy của xe không thay đổi. Đây là xe máy của bị cáo T1 đưa bị cáo L1 sử dụng để chở N từ nơi thuê trọ đến nơi thực hiện hành vi phạm tội.

* Thu giữ của Tiền Thị Tuyết N:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu HONOR, màu đen, Model: JDY-LX2, phiên bản MagicOs 8.0, số Imei: 864572073201090, 864572073701099, có gắn sim số 386727760, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh, số máy: MHDH3VN/A, số Imei: 355708334056073, bị hư màn hình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2026/HSST ngày 08-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử đối với Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Thanh L1, Tiền Thị Tuyết N; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 01 năm 2026, bị cáo Nguyễn Quốc K làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Quốc K khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, để sớm trở về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc K tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mức án 03 năm 06 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quốc K làm trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc K:

Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc K tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Phạm Thanh L1, Tiền Thị Tuyết N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo, qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 16 giờ 00 ngày 13/9/2024, Phòng C1 Công an Thành phố H phối hợp Công an thị trấn T, huyện B tiến hành kiểm tra tại trước địa chỉ số I đường T, thị trấn T, huyện B, phát hiện Tiền Thị Tuyết N đang giao 09 hộp đựng giấy tờ nghi vấn là giả, cho nhân viên Công ty V2, chuyển đến Bưu cục Q để giao cho khách. Cùng thời điểm này ông Nguyễn Minh T3 tài xế xe công nghệ cũng đến giao cho N 107 túi hồ sơ đựng nhiều giấy tờ nghi vấn là giả. Khám xét tại số I đường T, Công an thu giữ: 215 (hai trăm mười lăm) hồ sơ (mục “Tại kho”); 32 (ba mươi hai) hồ sơ (mục “Thu bổ sung tại kho”), thu giữ của Tiền Thị Tuyết N và Nguyễn Quốc K. Nghi vấn các loại giấy tờ, tài liệu nêu trên là giả, nên Tổ công tác tiến hành lập Biên bản sự việc và đưa Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu T1, Nguyễn Quốc K, Phạm Thanh L1 và Tiền Thị Tuyết N về trụ sở Công an thị trấn T làm việc, sau đó lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý.

Tại các bản Kết luận giám định số 10788/KL-KTHS, ngày 16/9/2024 và Kết luận giám định số 14258/KL-KTHS ngày 26/3/2025 của Phòng C1 Công an Thành phố H thể hiện: Tổng cộng 507 tài liệu thu giữ của các bị cáo là giả (bản in, hình dấu, chữ ký in phun màu...).

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Đầu tháng 5/2024, Nguyễn Hữu T1 bắt đầu làm việc cho đối tượng không rõ lai lịch sử dụng tài khoản Telegram tên “Uy V”. Nhiệm vụ của T1 là đến vòng xoay G, tỉnh Tây Ninh và Bến xe A nhận các bìa hồ sơ màu cam chứa các loại giấy tờ giả gồm bằng cấp, căn cước công dân, bằng lái xe,... rồi chụp các ký hiệu trên bìa hồ sơ gửi cho Uy V xem, sau đó Uy V gửi lại cho T1 địa chỉ để giao hàng. Mỗi chuyến đi lấy hàng Uy V trả công cho T1 300.000 đồng.

Vào khoảng tháng 6/2024, Nguyễn Hữu T (em trai của T1) sử dụng tài khoản Facebook “Thế Nguyễn” lên mạng xã hội tìm việc làm thì có một người giới thiệu T với tài khoản Telegram tên “Uy V”. Vài ngày sau, Uy V giới thiệu T với tài khoản Telegram tên “KaKa”. Ban đầu, T đưa cho KaKa sử dụng tài khoản số 005704060177821 ngân hàng V3 để nhận tiền của khách hàng đặt làm giả giấy tờ do Bưu cục chuyển đến, mỗi tuần KaKa cho T số tiền 500.000 đồng. Đến đầu tháng 7/2024, K2 nói với T cần tìm người đứng ra làm hợp đồng vận chuyển giấy tờ giả với Bưu cục nên T gửi căn cước công dân của T, Nguyễn Hữu T1 và Nguyễn Quốc K cho KaKa để làm hợp đồng với Bưu cục ở Quận G.

Vào đầu tháng 8/2024, Tiền Thị Tuyết N bắt đầu làm việc cho đối tượng không rõ lai lịch sử dụng tài khoản Facebook tên “Cửu Ca”. Nhiệm vụ của N là đóng gói các loại giấy tờ giả, ghi mã vận đơn được gửi kèm theo rồi đặt xe giao hàng A để giao đến các Bưu cục. Trong thời gian làm việc, Phạm Thanh L1 (sống chung như vợ chồng với N) có phụ giúp cho N đóng gói các loại giấy tờ giả. N làm được 04 ngày thì nghỉ không làm nữa và được Cửu Ca trả công số tiền 2.900.000 đồng. Khoảng một tuần sau, Nguyễn Hữu T liên lạc Phạm Thanh L1 để rủ N tiếp tục tham gia công việc đóng gói giấy tờ giả, N đồng ý. N và L1 chụp hình Căn cước công dân gửi cho T để làm hợp đồng vận chuyển giấy tờ giả với Bưu cục. Đồng thời, N cung cấp tài khoản số 7850744479, mở tại ngân hàng B1 và L1 cung cấp tài khoản số

19036930787014 mở tại ngân hàng T11 liên kết với các Bru cục để nhận tiền thu hộ rồi chuyển đến tài khoản số 005704060177821, ngân hàng V3 của T.

Đề hoạt động đóng gói và giao giấy tờ giả cho khách hàng, K2 thành lập nhóm T4 “Gói hàng New” có 05 tài khoản gồm: “Nguyễn Văn N1” là Nguyễn Hữu T, “Hoàng Phát” là Nguyễn Hữu T1, “5 Anh Em S” là Tiên Thị Tuyết N, “KaKa” (không rõ lai lịch) và “An Nhiên” (người lên đơn, không rõ lai lịch). Sau đó, KaKa kêu T thuê một căn nhà để làm kho hàng và đóng gói giấy tờ giả. T nhờ T1 tìm nhà để thuê. T1 đứng ra thuê căn nhà số I đường T, thị trấn T, huyện B. Hàng ngày, KaKa nhắn lên nhóm “Gói hàng New” đơn hàng cần đóng gói, T1 đến nhận hàng về giao cho N. Ngân chụp các đơn hàng này gửi lên nhóm để “An Nhiên” cung cấp mã vận đơn cho N và L1 đóng gói rồi N đặt xe giao đến các Bru cục. Nếu có đơn hàng cần giao trực tiếp cho khách hàng thì “An Nhiên” nhắn cho T1 biết. Thân chụp hình ảnh, nhắn tin số lượng và mã vận đơn rồi gửi cho nhân viên giao hàng có tài khoản Telegram tên “Xì trum” và “Ty Ty” do KaKa giới thiệu đến. Mỗi đơn hàng thành công, “Xì trum” và “Ty Ty” tự giữ lại 150.000 đồng và chuyển khoản số tiền còn lại cho T1. Cuối ngày, T1 sẽ chuyển khoản lại cho KaKa theo số tài khoản KaKa yêu cầu, T1 nhận tiền lương là 2.500.000 đồng/tuần.

Ngày 04/9/2024, Nguyễn Quốc K được Thế giới T5 vào làm việc cùng với N và L1 với nhiệm vụ đóng gói giấy tờ giả, đặt xe giao đến Bru cục. T hứa trả lương cho K 10.000.000 đồng/tháng. K sử dụng tài khoản Telegram “5 Anh Em S” chung với N và tham gia nhóm “Gói Hàng” có 3 người gồm: “5 Anh Em Siêu Nhân” (K và N), “Cửa Ca” (không rõ lai lịch) và “Nguyễn Văn N1” (Nguyễn Hữu T). Sau khi đóng gói hàng, N hoặc K sẽ đặt xe để giao đến các Bru cục tại quận G, quận A để chuyển cho khách.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội như nêu trên, Nguyễn Hữu T1 được hưởng lợi 15.000.000 đồng; Nguyễn Hữu Thế là 9.000.000 đồng; Tiên Thị Tuyết N và Phạm Thanh L1 là 15.000.000 đồng. Riêng Nguyễn Quốc K chưa được hưởng lợi.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Quốc K về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc K, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Xuất phát từ động cơ tư lợi, Nguyễn Quốc K đã tham gia đóng gói và đặt xe để giao giấy tờ giả theo sự chỉ đạo của T, T1. Hành vi của bị cáo đã giúp sức cho việc làm giả tài liệu, con dấu với số lượng rất lớn, phạm tội có tổ chức, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, gây ra hậu quả xấu cho xã hội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án, qua đó tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù, là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cũng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Quốc K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2024.

[2] Bị cáo Nguyễn Quốc K phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - P.PV06 - CA TP.HCM; | (1) |
| - TAND Khu vực 10; | (1) |
| - VKSND Khu vực 10; | (1) |
| - THADS Khu vực 10; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (25). | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Huân